



## DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

### LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: **2106** /QĐ – VPCNCLOG  
ngày **04** tháng 08 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận  
chất lượng quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm Hóa**  
*Laboratory:* **Chemistry Testing Laboratory**  
Tổ chức/ Cơ quan chủ quản: **Công ty Nhiệt điện Uông Bí**  
*Organization:* **Uong Bi Thermal Power Company**  
Số hiệu/ Code: **VILAS 1445**  
Chuẩn mực công nhận  
*Accreditation criteria* **ISO/IEC 17025:2017**  
Lĩnh vực: **Hoá**  
*Field:* **Chemical**  
Người quản lý: **Nguyễn Mạnh Cường**  
*Laboratory manager:* **Nguyen Manh Cuong**  
Hiệu lực công nhận  
*Period of Validation:* từ ngày **04** / 08 /2025 đến ngày **03** /08/2030  
Địa chỉ: **Khu Quang Trung 6, phường Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.**  
*Address:* **Zone Quang Trung 6, Uong Bi Ward, Quang Ninh Province.**  
Địa điểm:  
*Location:* **Công ty Nhiệt điện Uông Bí, Khu Quang Trung 6, phường Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh**  
**Uong Bi Thermal Power Company, Zone Quang Trung 6, Uong Bi Ward, Quang Ninh Province.**  
Điện thoại/ Tel: **02033 850889**  
Email: **vanthundub@gmail.com**  
Website: **www.nhietdienuongbi.com.vn**



**DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN**  
**LIST OF ACCREDITED TESTS**  
**VILAS 1445**

**Lĩnh vực thử nghiệm:**           **Hoá**  
*Field of testing:*                   *Chemical*

| TT | Tên sản phẩm, vật liệu được thử/<br><i>Materials or product tested</i> | Tên phép thử cụ thể/<br><i>The name of specific tests</i>                                                                                                                                                         | Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo<br><i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i> | Phương pháp thử/<br><i>Test method</i> |
|----|------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|
| 1. | <b>Than đá</b><br><i>Coal</i>                                          | Xác định giá trị toả nhiệt toàn phần<br>Phương pháp bom đo nhiệt lượng và tính giá trị toả nhiệt thực<br><i>Determination of gross calorific value by The bomb method and calculation of net calorific value.</i> | (5400~5800)<br>Cal/g                                                                                   | TCVN 200:2011<br>(ISO 1928:2009)       |
| 2. |                                                                        | Xác định hàm lượng chất bốc<br><i>Determination of volatile matter content</i>                                                                                                                                    | (0,3~36) %                                                                                             | TCVN 174:2011<br>(ISO 652:2010)        |
| 3. |                                                                        | Xác định hàm lượng tro<br><i>Determination of ash content</i>                                                                                                                                                     | (27~35) %                                                                                              | TCVN 173:2011<br>(ISO 1171:2010)       |
| 4. |                                                                        | Xác định hàm lượng lưu huỳnh<br>Phương pháp đo phổ hồng ngoại (IR)<br><i>Determination of sulfur content IR spectrometry method</i>                                                                               | (0,0005% ~ 26) %                                                                                       | TCVN 8622:2010<br>(ISO 19579:2006)     |
| 5. |                                                                        | Xác định độ ẩm toàn phần<br>Phương pháp 1 giai đoạn làm khô trong không khí ( <i>Phương Pháp B2</i> )<br><i>Determination of total moisture 1-stage air-dry method (Method B2)</i>                                | (0,3~25) %                                                                                             | TCVN 172:2019                          |

**Ghi chú/Note:**

Trường hợp Công ty Nhiệt điện Uông Bí cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty Nhiệt điện Uông Bí phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Uong Bi Thermal Power Company that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*